

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 3 –BÀI 35: LUYỆN TẬP CHUNG

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Chọn hình đặt tính đúng cho phép nhân 116×5 .

$\begin{array}{r} 116 \\ \times 5 \\ \hline 580 \end{array}$	$\begin{array}{r} 116 \\ \times 5 \\ \hline 550 \end{array}$	$\begin{array}{r} 116 \\ \times 5 \\ \hline 111 \end{array}$	$\begin{array}{r} 116 \\ \times 5 \\ \hline 121 \end{array}$
Hình 1	Hình 2	Hình 3	Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 2. Cho phép nhân 306×8 . Khi nhân ở hàng đơn vị, bước tính nào đúng?

- A. Nhân $8 \times 6 = 48$, viết 8, nhớ 4. B. Nhân $8 \times 6 = 48$, viết 2, nhớ 4.
C. Nhân $8 \times 0 = 0$, viết 0, nhớ 0. D. Nhân $8 \times 6 = 48$, viết 48, nhớ 0.

Câu 3. Kết quả của phép tính. 112×4 là:

- A. 448 B. 484. C. 116. D. 108

Câu 4: Trong các phép tính sau đây, phép tính nào có kết quả lớn nhất.

- A. 115×3 . B. 120×3 . C. 241×2 . D. 118×4

Phần II. Tự luận

Bài 1. Tính các phép tính sau.

- a) $204 \times 3 = \dots\dots\dots$
b) $102 \times 9 = \dots\dots\dots$
c) $108 \times 7 = \dots\dots\dots$
d) $206 \times 4 = \dots\dots\dots$

Bài 2. Tính các phép nhân đặt tính sẵn sau.

- a)
$$\begin{array}{r} 242 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$
 b)
$$\begin{array}{r} 111 \\ \times 7 \\ \hline \end{array}$$
 c)
$$\begin{array}{r} 111 \\ \times 8 \\ \hline \end{array}$$
 d)
$$\begin{array}{r} 100 \\ \times 9 \\ \hline \end{array}$$

Bài 3. Quan sát các tổng có các số hạng bằng nhau, viết phép nhân tương ứng rồi điền kết quả.

- a) Hoàn thành: $300 + 300 + 300 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$
b) Viết tiếp: $215 + 215 + 215 = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

c) Điền vào chỗ trống: $118 + 118 + 118 + 118 + 118 = \dots = \dots$

d) Viết tiếp: $422 + 422 = \dots = \dots$

Bài 4. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào ô trống.

a) $181 \times 5 \dots 316 \times 2$

b) $202 \times 4 \dots 401 \times 2$

c) $213 \times 3 \dots 318 \times 2$

d) $226 \times 2 \dots 113 \times 4$

Bài 5. Tính nhẩm.

a) $200 \times 3 = \dots$

b) $200 \times 3 = \dots$ c) $200 \times 4 = \dots$

d) $100 \times 7 = \dots$

e) $300 \times 3 = \dots$

f) $500 \times 2 = \dots$ g) $100 \times 4 = \dots$

... h) $400 \times 2 = \dots$

Bài 6. Tính giá trị các biểu thức sau.

a) $216 \times 3 - 187 = \dots$

b) $102 \times 4 - 380 = \dots$

c) $324 \times 3 - 837 = \dots$

d) $305 \times 2 - 13 = \dots$

Bài 7. Đặt tính rồi tính.

332×2

214×2

a)

b)

Bài 8. Giải bài toán sau.

Lớp của Nam có 4 túi sữa tươi như nhau, mỗi túi chứa 423 ml. Lớp của Nam đã uống 1685 ml sữa tươi. Còn lại bao nhiêu ml sữa tươi?

Bài giải

---HẾT---